ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:5964/UBND-KTTC V/v công khai quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	*Thanh Hóa, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực.

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2086/STC-ĐT ngày 22/4/2022, UBND tỉnh Thanh Hóa thông báo công khai quyết toán dự án, công trình *(sau đây gọi chung là dự án)* hoàn thành đến ngày 31/12/2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

I. Tình hình quyết toán dự án hoàn thành

1. Tổng hợp số liệu báo cáo của 26 huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành và các chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Tổng số dự án hoàn thành đến 31/12/2021 là 3.682 dự án;

- Đã phê duyệt quyết toán: 2.572 dự án;

- Số dự án chưa phê duyệt: 1.110 dự án (số dự án đã nộp hồ sơ quyết toán đang thực hiện thẩm tra trình duyệt là 239 dự án; số dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán là 871 dự án (dự án do tỉnh quản lý 20 dự án; huyện, xã quản lý 851 dự án);

Cấp quản lý	Số dự án				
	Đã hoàn thành	Bao gồm:			
		Đã phê duyệt	Tỷ lệ (%)	Chưa phê duyệt	Tỷ lệ (%)
Tổng số:	3.682	2.572	69,9%	1.110	30,1%
Cấp tỉnh	135	112	83,0%	23	17,0%
Cấp huyện	1.604	1.260	78,6%	344	21,4%
Cấp xã	1.943	1.200	61,8%	743	38,2%

(Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

Lũy kế đến 31/12/2021, tỷ lệ các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán còn nhiều (chiếm 30,1%); tỷ lệ các dự án đã được thẩm tra phê duyệt đạt 69,9% so với tổng số dự án đã được bàn giao đưa vào sử dụng; trong đó đối với các dự án cấp tỉnh đạt 83,0%, dự án cấp huyện đạt 78,6%, cấp xã đạt 61,8%. Từ số liệu trên cho thấy, số dự án chưa phê duyệt quyết toán tập trung chủ yếu ở khối huyện và xã.

2. Qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã loại ra khỏi giá trị đề nghị quyết toán là 920,58 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 6,01 % so với tổng giá trị đề nghị quyết toán; cụ thể:

Cấp quản lý	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giá trị đề nghị quyết toán (tỷ đồng)	Giá trị phê duyệt (tỷ đồng)	Giá trị giảm trừ (tỷ đồng)	Tỷ lệ giảm trừ (%)
Tổng số:	17.743,73	15.320,80	14.400,22	920,58	6,01%
Cấp tỉnh	11.789,09	9.672,11	9.009,86	662,25	6,85%
Cấp huyện	3.990,85	3.852,34	3.643,64	208,70	5,42%
Cấp xã	1.963,79	1.796,35	1.746,71	49,64	2,76%

Chênh lệch giữa tổng mức đầu tư và giá trị phê duyệt quyết toán là 2.422,92 tỷ đồng.

3. Số dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán nhưng chưa phê duyệt quyết toán là 239 dự án, với tổng mức đầu tư 643,5 tỷ đồng; giá trị đề nghị quyết toán là 607,31 tỷ đồng; trong số này, số dự án vi phạm thời gian thẩm tra, phê duyệt là 8 dự án *(chủ yếu thuộc dự án cấp huyện, xã quản lý);* cụ thể:

Cấp quản lý	Dự án hoàn thành đã nộp nhưng chưa phê duyệt quyết toán				Giá trị	
	Đã nộp	Trong thời hạn	Vi phạm thời hạn	tỷ lệ (%)	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Giá trị đề nghị QT (tỷ đồng)
Tổng cộng:	239	231	8	3,3%	643,50	607,31
Cấp tỉnh:	3	3	-	0,0%	69,54	67,11
Cấp huyện	104	98	6	5,8%	314,67	288,51
Cấp xã	132	130	2	1,5%	259,28	251,70

4. Số dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán là 871 dự án; với tổng mức đầu tư 9.681,60 tỷ đồng; giá trị đã giải ngân là 8.272,94 tỷ đồng (tỷ lệ thanh toán đạt khoảng 85,45% so với tổng mức đầu tư). Số dự án quá thời gian lập và nộp báo

cáo quyết toán là 38 dự án (chiếm 4,36 %). Trong các dự án vi phạm thời gian lập và nộp hồ sơ quyết toán có 03 dự án cấp tỉnh quản lý, còn lại tập trung chủ yếu các dự án do cấp huyện, xã quản lý cụ thể:

Cấp quản lý	Dự án hoàn thành chưa lập và nộp hồ sơ quyết toán			Giá trị		
	Số dự án	Quá thời hạn nộp	tỷ lệ (%)	Tổng mức ĐT (tỷ đồng)	Giá trị đã giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng:	871	38	4,36%	9.681,60	8.272,94	85,45%
Cấp tỉnh	20	3	15,00%	7.526,78	6.783,86	90,13%
Cấp huyện	240	2	0,83%	1.065,39	758,33	71,18%
Cấp xã	611	33	5,40%	1.089,44	730,76	67,08%

II. Nhận xét và đánh giá:

1. Về chấp hành chế độ báo cáo:

Theo quy định tại Điều 22, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ, các Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND các huyện, Chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành chậm nhất ngày 20/01 năm sau đối với báo cáo năm. Theo báo cáo của Sở Tài chính, các đơn vị đã cơ bản chấp hành báo cáo theo quy định; tuy nhiên, vẫn còn UBND huyện Cẩm Thủy chưa thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định.

2. Về chất lượng báo cáo:

Công tác quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị năm 2021 vẫn còn tồn tại sau:

- Niên độ 2021, thực hiện báo cáo theo biểu mẫu mới quy định tại mẫu số 12/QTDA, Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nên phần lớn Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND các huyện còn gặp khó khăn.

- Chưa phân tích nguyên nhân các dự án vi phạm quyết toán, những thuận lợi, khó khăn và đề xuất kiến nghị trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

3. Đánh giá số liệu

a) Về số dự án:

- Số dự án hoàn thành, chưa phê duyệt là 1.110 dự án, chiếm 30,15% tổng số dự án hoàn thành đến năm 2021 (3.682 dự án).

- Số dự án hoàn thành đã nộp nhưng vi phạm thời gian quyết toán là 8 dự án, chiếm 3,35% tổng số dự án hoàn thành *(239 dự án)* đã nộp hồ sơ quyết toán.

- Số dự án hoàn thành chưa nộp, vi phạm thời gian lập và nộp hồ sơ quyết

toán là 38 dự án, chiếm 4,37% tổng số dự án chưa nộp (871 dự án), tập trung chủ yếu ở khối huyện, xã.

b) Về giá trị

- Các dự án đã được phê duyệt quyết toán năm 2021: Tổng giá trị phê duyệt quyết toán là 17.743,73 tỷ đồng; số vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo là 12.839,12 tỷ đồng; số vốn còn thiếu đến thời điểm báo cáo là 1.561,10 tỷ đồng, đạt 89,16% giá trị quyết toán.

- Các dự án chưa phê duyệt quyết toán năm 2021: Tổng mức đầu tư 10.325,10 tỷ đồng; giá trị đã giải ngân là 8.718,15 tỷ đồng, chiếm 82,74% tổng mức đầu tư.

III. Giải pháp đẩy mạnh công tác quyết toán dự án hoàn thành

Từ tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành nêu trên, để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý dứt điểm tình trạng vi phạm thời gian quyết toán, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các ngành, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 20070/UBND-KTTC ngày 20/12/2021 về việc đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.

2. Đối với các dự án đã hoàn thành, nhưng chưa nộp hồ sơ quyết toán: Các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án khẩn trương rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ thực hiện lập và nộp hồ sơ quyết toán về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán, đảm bảo giảm 30% thời gian theo quy định đã được Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tại Công văn số 20070/UBND-KTTC ngày 20/12/2021.

3. Đối với các dự án đã hoàn thành, vi phạm thời gian lập và nộp hồ sơ quyết toán: giao Sở Giao thông Vận tải[1], Ban Dân tộc[2], UBND thị xã Bỉm Sơn[3], UBND huyện Bá Thước[4], UBND huyện Nga Sơn [5], UBND huyện Yên Định[6] khẩn trương rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán, thực hiện lập, nộp hồ sơ các dự án đã hoàn thành trình thẩm tra phê duyệt trước ngày 30/6/2022; báo cáo kết quả về UBND tỉnh và Sở Tài chính; trường hợp đến thời điểm báo cáo, đơn vị vẫn còn dự án vi phạm thời gian lập và nộp hồ sơ quyết toán thì người đứng đầu cơ quan đó sẽ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Riêng một số các dự án do cấp tỉnh quản lý, đến nay đã có chủ trương dừng thực hiện để quyết toán dự án như: dự án Không gian du lịch ven biển phía đông đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn[7]; dự án hạ tầng kỹ thuật khu trung

---

[1] Sở Giao thông Vận tải: Đường GT từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh huyện Mường Lát;Dự án tuyến nối các huyện phía Tây Thanh Hóa (gói thầu Đường Ngang Yên Khương cửa khẩu Méng).

[2] Ban Dân tộc: Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện phần mền thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh;

[3] UBND thị xã Bỉm Sơn: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn ;

[4] UBND huyện Bá Thước: 02 dự án;

[5] UBND huyện Nga Sơn: 22 dự án;

[6] UBND huyện Yên Định: 11 dự án;

[7] Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoạn FLC: Thời hạn nộp hồ sơ về Sở Tài chính trước ngày 10/5/2022 theo Công văn số 5217/UBND-CN ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

tâm văn hóa tỉnh[8]; dự án trung tâm truyền hình - triển lãm - hội chợ quảng cáo tỉnh[9], khẩn trương lập và nộp đầy đủ hồ sơ về Sở Tài chính theo đúng thời hạn quy định.

- Kể từ năm 2022, Chủ đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về việc để phát sinh thêm các dự án vi phạm thời gian quyết toán.

4. Đối với việc chấp hành chế độ báo cáo:

- Giao Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy thực hiện rà soát lại số liệu báo cáo, đồng thời rút kinh nghiệm cho những lần báo cáo tiếp theo.

- Giao các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án nghiêm túc thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ.

- Đối với các dự án hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND tỉnh: Giao các Chủ đầu tư báo cáo định kỳ trước ngày 10/7 (báo cáo 6 tháng) và ngày 20/01 (báo cáo năm) về tình hình lập hồ sơ quyết toán về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo.

5. Đối với cơ quan thẩm tra quyết toán:

- Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án lập báo cáo quyết toán hoàn thành đúng thời gian quy định. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền khi phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

- Tiếp tục tham mưu việc thực hiện kiểm toán độc lập, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định đối với các dự án nhóm B, nhóm C đã được Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm toán.

- Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra công tác quyết toán dự án hoàn thành các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND huyện, thị xã, thành phố. Trường hợp trong quá trình kiểm tra, phát hiện người phê duyệt quyết toán dự án đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu có sai sót, vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, cơ quan thẩm tra quyết toán kiến nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các chế tài trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án, công trình hoàn thành, đối với các dự án.

6. Đối với cơ quan tham mưu bố trí vốn:

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND tỉnh: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh bố trí vốn còn thiếu sau quyết toán cho các dự án còn thiếu vốn thuộc thẩm quyền được giao.

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của cấp huyện,

---

[8] Chủ đầu tư: Sở Xây dựng, thời hạn nộp hồ sơ về Sở Tài chính trước ngày 30/4/2022 theo Thông báo số 40/TB-UBND ngày 09/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[9] Chủ đầu tư: Sở Xây dựng, thời hạn nộp hồ sơ về Sở Tài chính trước ngày 25/4/2022 theo Công văn số 2686/UBND-CN ngày 01/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

xã: Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị, các phòng, ban liên quan, tham mưu, bố trí vốn cho các dự án đã phê duyệt quyết toán; đồng thời, ưu tiên bố trí vốn thiếu các dự án thuộc cấp tỉnh quản lý nhưng có phần vốn của huyện tham gia.

4. Đối với Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu:

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chấp hành nghiêm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành. Nâng cao năng lực, tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý dự án đầu tư; chủ động phối hợp với cơ quan thẩm tra quyết toán cung cấp thông tin, trong giai đoạn thẩm tra quyết toán. Thực hiện quản lý và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định để đảm bảo có đầy đủ hồ sơ khi quyết toán dự án hoàn thành.

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án khẩn trương thực hiện rà soát các dự án đầu tư đã hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng nhưng thực hiện quyết toán dự án hoàn thành *(đặc biệt là các dự án đã hoàn thành, chậm lập và nộp hồ sơ quyết toán);* xác định rõ nguyên nhân chậm quyết toán, những khó khăn, vướng mắc cụ thể của từng dự án, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan; trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp xử lý, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, xử lý dứt điểm tình trạng chậm quyết toán dự án hoàn thành trước 30/6/2022.

- Nhà thầu cần chủ động phối hợp với các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án thực hiện lập và nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng và cung cấp hồ sơ theo quy định để phục vụ quyết toán dự án hoàn thành. Đồng thời, khi ký hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải có điều khoản cụ thể xử lý trong trường hợp nhà thầu chậm lập hồ sơ quyết toán.

UBND tỉnh thông báo công khai tình hình công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 để các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thanh Hóa (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC (TĐN20407).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi

Biểu 1

TỔNG HỢP CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số /UBND-KTTC ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Cấp quản lý			Ghi chú
				Cấp tỉnh quản lý	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6
I	**Tổng số dự án hoàn thành (1+2)**	**dự án**	**3.682**	**135**	**1.604**	**1.943**	
1	Đã phê duyệt quyết toán	dự án	2.572	112	1.260	1.200	
2	Chưa phê duyệt quyết toán (2.1+2.2)	dự án	1.110	23	344	743	
2.1.	Đã nộp hồ sơ quyết toán nhưng chưa phê duyệt	dự án	239	3	104	132	
-	*Trong thời gian quyết toán*	*dự án*	231	*3*	*98*	*130*	
-	*Vi phạm thời gian quyết toán*	*dự án*	8	-	*6*	*2*	
2.2.	Chưa nộp hồ sơ quyết toán	dự án	871	20	240	611	
-	*Trong thời gian quyết toán*	*dự án*	833	*17*	*238*	*578*	
-	*Vi phạm thời gian quyết toán*	*dự án*	38	*3*	*2*	*33*	
II	**Theo giá trị**						
1	**Các dự án đã phê duyệt quyết toán:**						
1.2.	Tổng mức đầu tư :	tỷ đồng	17.743,73	11.789,09	3.990,85	1.963,79	

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Cấp quản lý			Ghi chú
				Cấp tỉnh quản lý	Cấp huyện	Cấp xã	
A	B	1	2	3	4	5	6
1.3.	Giá trị đề nghị quyết toán	tỷ đồng	15.320,80	9.672,11	3.852,34	1.796,35	
1.4.	Giá trị phê duyệt quyết toán	tỷ đồng	14.400,22	9.009,86	3.643,64	1.746,71	
1.5.	Vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	tỷ đồng	12.839,12	8.099,95	3.296,20	1.442,98	
2	**Các dự án đã nộp hồ sơ quyết toán chưa phê duyệt:**						
2.1.	Tổng mức đầu tư	tỷ đồng	643,50	69,54	314,67	259,28	
2.2.	Giá trị đề nghị quyết toán	tỷ đồng	607,31	67,11	288,51	251,70	
2.3.	Vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	tỷ đồng	445,20	23,73	233,26	188,22	
3	**Các dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán:**						
3.1.	Tổng mức đầu tư:	tỷ đồng	9.681,60	7.526,78	1.065,39	1.089,44	
3.2.	Vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	tỷ đồng	8.272,94	6.783,86	758,33	730,76	

Biểu số 2

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số /UBND-KTTC ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định									Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
A	**Tổng số dự án hoàn thành (I+II+III):**	**3.682**	**3.578**	**22.722,12**	**3.812,30**	**19.342,32**	**14.400,22**	**16.309,10**	**1.587,31**	**48,73**	**104**	**5.529,11**	**3.701,67**	**5.452,30**	**175,15**	**5.410,59**	**36,52**	**-**
1	Dự án cấp tỉnh quản lý:	135	131	14.130,66	2.964,34	11.561,85	9.009,87	9.725,29	354,98	30,52	4	5.254,71	3.635,64	5.187,76	-	5.182,25	4,60	-
2	Dự án cấp huyện, xã quản lý:	3.547	3.447	8.591,47	847,958	7.780,47	5.390,36	6.583,81	1.232,34	18,21	100	274,4	66,03	264,54	175,15	228,34	31,923	0
I	**Dự án đã được phê duyệt quyết toán: (1+2):**	**2.523**	**2.466**	**17.532,63**	**3.184,03**	**15.127,03**	**14.400,22**	**12.789,42**	**776,69**	**38,42**	**57**	**182,41**	**54,98**	**177,01**	**175,15**	**162,42**	**12,50**	**-**
1	***Dự án hoàn thành các năm trước:***	***1.184***	***1.136***	***13.500,45***	***2.286,76***	***11.301,83***	***10.637,63***	***9.505,41***	***366,39***	***9,00***	***48***	***154,94***	***37,00***	***150,14***	***148,51***	***137,34***	***11,17***	-
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	*80*	*80*	*10.987,38*	*2.133,75*	*8.918,06*	*8.257,83*	*7.439,87*	*59,35*	*2,79*	-	-	-	-	-	-	-	-
1	*Đường giao thông Điền Lư - Lương Ngoại - Lương Trung - Lương Nội - Cẩm Quý thuộc dự án đường giao thông vào trung tâm các xã chưa có đường ô tô. (Dự án dừng thực hiện)*	*1*	*1*	*108,05*	*36,70*	*69,21*	*68,85*	*66,36*	-									
2	*Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hóa*	*1*	*1*	*16,62*	-	*15,13*	*15,06*	*12,30*	*2,76*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3	*Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Bùi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh*	*1*	*1*	*22,00*	*-*	*21,89*	*21,75*	*17,60*	*4,15*									
4	*HTKT Khu dân cư dọc 2 bên đường DA CSEDP thuộc khu đô thị Đông Sơn, tp Thanh Hóa (DA dừng thực hiện)*	*1*	*1*	*136,36*	*-*	*37,51*	*37,31*	*36,93*	*0,38*									
5	*Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*50,39*	*50,39*	*49,56*	*49,22*	*49,34*	*(0,12)*									
6	*Kè chống sạt lở bờ hữu sông Mã xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (QT cả DA)*	*1*	*1*	*23,41*	*-*	*21,89*	*21,82*	*18,82*	*3,00*									
7	*Đường giao thông từ cảng HK đi khu KT Nghi Sơn (Hợp đồng BT)*	*1*	*1*	*4.598,56*	*-*	*4.598,56*	*3.948,84*	*3.274,27*	*-*									
8	*Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ Lâm Danh, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh (Vốn thiếu: Vốn đất lúa: 1,640 trđ; vốn huyện và huy động khác: 1,649 trđ)*	*1*	*1*	*12,41*	*-*	*12,06*	*11,65*	*8,36*	*3,29*									
9	*Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020*	*1*	*1*	*84,78*	*-*	*75,93*	*75,86*	*71,91*	*3,95*									
10	*Dự án đường Bắc Nam 2 - Khu kinh tế Nghi sơn (Đoạn từ QL 1A tại xã Xuân Lâm đến đường Đông Tây) giai đoạn 1*	*1*	*1*	*605,62*	*-*	*387,67*	*387,62*	*384,31*	*3,32*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
11	*Tháp để chương và trồng hoa, xây xanh tại Nghĩa trang Liệt sỹ Hàm Rồng TP Thanh Hóa*	*1*	*1*	*6,18*	*-*	*5,85*	*5,86*	*4,00*	*1,86*									
12	*Nâng cấp, cải tạo đường nối Quốc lộ 1A với Quốc lộ 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.*	*1*	*1*	*132,94*	*-*	*131,81*	*130,83*	*107,35*	*-*									
13	*Dự án dừng thực hiện Dự án Đường Đông Tây 3 - Khu kinh tế Nghi Sơn*	*1*	*1*	*667,89*	*-*	*1,69*	*1,59*	*1,40*	*-*									
14	*Đập Na Kha, bản Xã, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh (Nghị quyết 30a)*	*1*	*1*	*20,77*	*20,77*	*18,04*	*18,04*	*18,17*	*(0,12)*	*(0,12)*								
15	*Đường giao thông từ bản Chim, xã Nhi Sơn, đi bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát (NQ30a).*	*1*	*1*	*38,60*	*38,60*	*33,10*	*33,05*	*32,04*	*1,01*	*-*								
16	*Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản Ún - Sài Khao, huyện Mường Lát (NQ30a)*	*1*	*1*	*54,88*	*54,80*	*50,39*	*50,05*	*51,89*	*(1,85)*									
17	*Khu Trung tâm hành chính mới thành phố Thanh Hóa theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT) - Vốn nhà đầu tư tự huy động*	*1*	*1*	*655,79*	*-*	*632,06*	*631,57*	*632,71*	*(1,14)*									
18	*Khu tái định cư bản Poọng xã Tam Chung huyện Mường Lát.*	*1*	*1*	*16,90*	*11,70*	*16,76*	*16,75*	*16,56*	*0,18*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
19	*Xử lý cấp bách đê tả sông Chu đoạn K25-K34+100, huyện Thiệu Hóa.*	*1*	*1*	*37,00*	*-*	*36,06*	*36,06*	*36,06*	*-*									
20	*Xử lý cấp bách sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K24+550 - K25+300, huyện Thọ Xuân.*	*1*	*1*	*23,00*	*-*	*22,34*	*22,34*	*22,34*	*-*									
21	*Dự án Xử lý cấp bách đê tả sông Chu đoạn K6-K15+800, huyện Thọ Xuân*	*1*	*1*	*34,50*	*-*	*34,40*	*34,40*	*34,40*	*-*									
22	*Dự án Xử lý cấp bách đê hữu sông Chu đoạn K16+700-K24+142, huyện Thọ Xuân.*	*1*	*1*	*35,00*	*-*	*34,40*	*34,40*	*34,40*	*-*									
23	*Lắp dựng, nâng cấp các biển chỉ dẫn đến các điểm tham quan du lịch, mua sắm, làng nghề năm 2019*	*1*	*1*	*0,98*	*-*	*0,96*	*0,96*	*0,96*	*-*									
24	*Xử lý cấp bách đê hữu sông Mã đoạn K51+500-K55, thành phố Thanh Hóa*	*1*	*1*	*31,00*	*-*	*30,03*	*30,03*	*30,03*	*-*									
25	*Xử lý cấp bách đê hữu sông Cầu Chày đoạn K25-K31+800, huyện Thiệu Hóa, Yên Định*	*1*	*1*	*25,00*	*-*	*24,44*	*24,44*	*24,44*	*-*									
26	*Đường Giao thông nội bản Cảy, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.*	*1*	*1*	*1,16*	*-*	*1,10*	*1,10*	*1,10*	*-*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
27	*Đường Giao thông bản Đoàn Kết, TT Mường Lát*	*1*	*1*	*1,20*	*-*	*1,13*	*1,13*	*1,13*	*-*									
28	*Đường giao thông liên thôn bản Đoàn Kết, TT.Mường Lát, đoạn từ khu dân cư Piềng Làn*	*1*	*1*	*1,20*	*-*	*1,14*	*1,14*	*1,14*	*-*									
29	*Đường giao thông bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.*	*1*	*1*	*0,96*	*-*	*0,91*	*0,91*	*0,90*	*0,01*									
30	*Đường giao thông nội thôn Dần Long, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.*	*1*	*1*	*0,47*	*-*	*0,46*	*0,46*	*0,46*	*-*									
31	*Đường giao thông liên thôn Ngọc Sinh - Giầu Cả (đoạn từ nhà ông Trương Văn Mộc đi thông Giầu Cả), xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.*	*1*	*1*	*1,20*	*-*	*1,15*	*1,15*	*1,14*	*0,01*									
32	*Đường giao thông thôn Cao Tiến, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân.*	*1*	*1*	*0,71*	*-*	*0,70*	*0,70*	*0,70*	*0,00*									
33	*Đường giao thông thôn Thành Thắng, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân.*	*1*	*1*	*1,04*	*-*	*0,99*	*0,99*	*0,99*	*0,01*									
34	*Đường giao thông thôn Vân Bình (đoạn từ Ao Ván đi khu dân cư Vân Bình), xã Cát Vân, huyện Như Xuân .*	*1*	*1*	*1,20*	*-*	*1,15*	*1,15*	*1,15*	*0,01*									
35	*Trụ sở Ban tiếp công dân tỉnh và mở rộng khu đất cơ quan Thanh tra tỉnh*	*1*	*1*	*9,94*	*-*	*9,63*	*9,63*	*9,16*	*0,47*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
36	*Bảo mật HT mạng thông tin điều hành tác nghiệp cac cơ quan đảng tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*4,96*	*-*	*4,92*	*4,92*	*4,40*	*0,52*									
37	*Cắm mốc giới khu vực bảo vệ di tích và mốc giới quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*1,26*	*-*	*1,14*	*1,04*	*1,00*	*0,04*									
38	*Phục hồi trận địa đồi C4, thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích LSVH Hàm Rồng.*	*1*	*1*	*5,56*	*-*	*5,46*	*5,38*	*4,45*	*0,93*									
39	*Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi đê La Thành thuộc Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ*	*1*	*1*	*0,47*	*-*	*0,47*	*0,47*	*-*	*0,47*									
40	*Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 03 Trạm quan sát, thông tin báo bão và tìm kiếm cứu nạn: Trạm núi Lạch Trường, xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hóa; Trạm núi Trường Lệ, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn; Trạm núi Du Xuyên, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia.*	*1*	*1*	*2,00*	*-*	*1,99*	*1,97*	*1,90*	*0,07*									
41	*Đầu tư xây dựng nhà ở và làm việc cho 04 đội công tác liên ngành tại các bản trọng điểm thuộc đề án tăng cường đảm bảo an ninh biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa.*	*1*	*1*	*14,39*	*-*	*14,29*	*14,12*	*13,67*	*0,45*									
42	*Cơ sở hạ tầng giao thông thuộc dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,5m) đến (+20,36m)*	*1*	*1*	*290,90*	*-*	*48,40*	*47,99*	*46,36*	*1,63*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
43	*Đường giao thông từ QL 1A vào khu du lịch nghỉ mát Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).*	*1*	*1*	*99,88*	*17,00*	*89,42*	*89,04*	*87,60*	*1,44*									
44	*Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*75,27*	*-*	*70,46*	*70,30*	*64,82*	*5,48*									
45	*Xử lý sự cố sạt lở đường đầu cầu phía Nam cầu Yên Hòa.*	*1*	*1*	*24,11*	*-*	*20,65*	*20,63*	*18,71*	*1,92*									
46	*Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc*	*1*	*1*	*120,00*	*-*	*116,93*	*116,84*	*96,00*	*-*									
47	*Xử lý khẩn cấp nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới, thành phố Sầm Sơn*	*1*	*1*	*9,95*	*-*	*9,79*	*9,79*	*9,00*	*0,79*									
48	*Nối tiếp đường giao thông từ QL217 xã Điền Trung, Điền Hạ, huyện Bá Thước đi huyện Cẩm Thủy (Vốn CT 30a)*	*1*	*1*	*34,96*	*34,96*	*34,04*	*34,02*	*32,71*	*1,32*									
49	*Nối tiếp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*37,96*	*37,96*	*37,10*	*36,84*	*36,35*	*0,49*	*0,20*								
50	*Đường tuần tra từ Km79 (QL217) đi bản Cha Khót - Mốc quốc giới 331, huyện Quan Sơn*	*1*	*1*	*84,96*	*84,96*	*84,71*	*83,89*	*73,50*	*-*	*-*								
51	*Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Thanh Hóa (Vốn CT MTQG)*	*1*	*1*	*37,38*	*37,38*	*30,08*	*28,74*	*26,10*	*2,64*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
52	*Kè xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lèn, đoạn qua huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*89,89*	*89,89*	*79,67*	*79,13*	*72,02*	*7,11*									
53	*Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K34-K36, xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa*	*1*	*1*	*14,86*	*14,86*	*14,82*	*14,82*	*14,82*	*-*									
54	*Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê hữu sông Mã đoạn K36+700-K37+250 xã Thiệu Khánh, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*14,89*	*14,89*	*14,74*	*14,72*	*14,74*	*(0,02)*									
55	*Xử lý khẩn cấp hồ con Nhạn, xã Hà Lai, Hà Trung*	*1*	*1*	*9,34*	*9,34*	*9,17*	*9,13*	*9,34*	*(0,20)*									
56	*Xử lý khẩn cấp hồ Làng Mòng, Cẩm Liên, Cẩm Thủy*	*1*	*1*	*5,00*	*5,00*	*4,88*	*4,61*	*5,00*	*(0,39)*									
57	*Xử lý khẩn cấp hồ Bái Xề, Hà Tiến, Hà Trung*	*1*	*1*	*7,30*	*7,30*	*7,16*	*7,11*	*7,30*	*-*									
58	*Đê, kè bờ tả sông yên thuộc địa phận 3 xã Quảng Trung, Quảng Chính, Quảng Thạch, huyện Quảng Xương*	*1*	*1*	*157,60*	*157,60*	*106,42*	*106,37*	*92,68*	*-*									
59	*Ứng dụng CNTT phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh, phiên họp thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*4,01*	*-*	*3,77*	*3,77*	*3,58*	*-*									
60	*Dự án xây dựng mô hình cấp nước trường học, trạm y tế xã tại các đảo*	*1*	*1*	*2,59*	*2,59*	*2,22*	*2,20*	*2,12*	*0,08*									
61	*Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K10+350-K10+750, xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân*	*1*	*1*	*12,00*	*12,00*	*11,71*	*11,71*	*11,71*	*-*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
62	*Nâng cấp đường Hồi Xuân - Tén Tằn*	*1*	*1*	*1.371,12*	*1.371,12*	*1.362,25*	*1.361,68*	*1.348,73*	*-*									
63	*Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020 do EU tài trợ*	*1*	*1*	*181,80*	*-*	*122,40*	*122,39*	*122,39*	*-*									
64	*Đường Hợp Tiến - Bồng Xa thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ hai hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương-Dự án LRAMP*	*1*	*1*	*8,02*	*5,89*	*7,70*	*7,58*	*6,99*	*0,60*	*0,46*								
65	*Đường huyện MC.01 (Minh Nghĩa - Hoàng Giang) thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ hai hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương-Dự án LRAMP*	*1*	*1*	*14,39*	*10,81*	*13,89*	*13,89*	*11,67*	*2,22*	*1,73*								
66	*Đường Xuân Minh - Xuân Lập thuộc Kế hoạch thực hiện năm thứ hai hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương-Dự án LRAMP*	*1*	*1*	*9,82*	*7,25*	*9,32*	*9,32*	*8,66*	*0,66*	*0,52*								
67	*Đường giao thông nối đường ngã ba Voi đi Sầm Sơn vào Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm thanh niên tỉnh Thanh Hóa (Vốn thiếu: Vốn SN giáo dục)*	*1*	*1*	*7,49*	*-*	*6,87*	*6,82*	*5,20*	*1,62*									
68	*SC nhỏ trụ sở làm việc của Viện QH kiến trúc Thanh Hóa*	*1*	*1*	*1,14*	*-*	*1,07*	*1,06*	*1,07*	*(0,01)*									
69	*Cắm mốc giới quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (Dự toán đơn vị)*	*1*	*1*	*0,28*	*-*	*0,25*	*0,23*	*0,25*	*(0,02)*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
70	*Tạm y tế xã Trí Nang, huyện Lang Chánh*	*1*	*1*	*3,44*	*-*	*3,11*	*3,11*	*3,11*	*-*									
71	*Tạm y tế xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa*	*1*	*1*	*3,50*	*-*	*3,09*	*3,09*	*2,92*	*0,17*									
72	*Tạm y tế xã xã Tuy Lộc, huyện Hậu Lộc*	*1*	*1*	*3,42*	*-*	*3,12*	*3,12*	*3,12*	*-*									
73	*Tạm y tế xã xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân*	*1*	*1*	*3,49*	*-*	*3,45*	*3,45*	*3,45*	*-*									
74	*Tạm y tế xã xã Cát Tân, huyện Như Xuân*	*1*	*1*	*3,37*	*-*	*3,00*	*3,00*	*3,00*	*-*									
75	*Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị của khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới, thành phố Sầm Sơn*	*1*	*1*	*2,00*	*-*	*1,98*	*1,98*	*1,98*	*-*									
76	*Cải tạo, sửa chữa nhà khách, nhà sàn truyền thống, công trình phụ trợ tại trụ sở cơ quan Ban Dân tộc tỉnh (Nguồn chi hành chính hàng năm)*	*1*	*1*	*2,98*	*-*	*2,94*	*2,94*	*2,70*	*0,24*									
77	*Khu nhà ở và công viên cây xanh thuộc Khu đô thị Nam TP Thanh Hóa (giai đoạn 2)*	*1*	*1*	*686,10*	*-*	*104,60*	*104,40*	*96,63*	*7,77*									
78	*Cải tạo, nâng cấp hạ tầng Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung*	*1*	*1*	*6,47*	*-*	*6,39*	*6,34*	*6,12*	*0,22*									
79	*Cải tạo, sửa chữa một số phòng cho các bệnh viện thụ hưởng Dự án hỗ trợ y học từ xa tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức với một số bệnh viện địa phương*	*1*	*1*	*2,16*	*-*	*1,67*	*1,62*	*1,53*	*0,09*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
80	*Đường nối Quốc lộ 47 với tỉnh lộ 517, Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT).*	*1*	*1*	*57,21*	*-*	*56,47*	*55,59*	*55,72*	*(0,13)*									
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	*1.104*	*1.056*	*2.513,08*	*153,01*	*2.383,77*	*2.379,81*	*2.065,55*	*307,04*	*6,21*	*48*	*154,94*	*37,00*	*150,14*	*148,51*	*137,34*	*11,17*	*-*
1	Huyện Hậu Lộc	*41*	41	237,25		230,29	228,85	196,84	32,01									
2	Huyện Hoằng Hoá	*82*	82	439,12		433,50	430,53	334,61	95,92									
3	Huyện Lang Chánh	45	45	90,67	27,69	89,23	88,70	71,18	17,60	3,47								
4	Huyện Mường Lát	*18*	18	45,10	13,94	43,88	43,88	43,47	0,28	0,28								
5	Huyện Nga Sơn	160	160	227,44	6,10	198,91	217,54	194,57	23,42									
7	Huyện Như Thanh	*31*	31	55,70	8,40	54,80	54,20	46,70	0,90									
8	Huyện Như Xuân	*11*	11	42,00	29,00	40,00	40,00	35,00	4,00									
9	Huyện Nông Cống	*19*	19	44,72		43,68	43,08	39,18	3,89									
10	Huyện Quan Hóa	*28*	28	94,82	50,00	93,74	93,61	85,52	8,09									
11	Huyện Quan Sơn	*52*	21	27,00	7,00	26,00	26,00	24,00	2,00	2,46	31	94,00	37,00	91,00	90,00	79,00	11,00	-
14	Huyện Thường Xuân	*105*	105	136,26	8,68	129,86	129,17	104,37	24,80									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
15	TX Nghi Sơn	*80*	80	230,89	2,20	214,77	213,80	182,45	31,35									
16	TP Thanh Hoá	*37*	37	199,00		189,00	189,00	171,69	17,31									
17	Thị xã Bỉm Sơn	*16*	16	26,73		21,96	21,69	20,33	1,36									
18	Huyện Thọ Xuân	*75*	75	119,10		119,20	113,40	103,20	10,20									
19	Huyện Thạch Thành	*53*	53	118,19		89,53	88,69	82,06	6,63									
20	Huyện Đông Sơn	*52*	52	114,00	-	111,00	109,00	102,00	7,00									
21	Huyện Triệu Sơn	*95*	85	110,12		106,80	105,68	105,68	0,01		10	21,20		20,60	20,00	20,00	-	
22	Huyện Vĩnh Lộc	*39*	39	66,70		62,10	58,40	53,20	5,20									
23	Huyện Yên Định	*53*	50	80,06		77,64	76,82	62,25	14,57		3	2,87		2,51	2,49	2,32	0,17	
24	Thành phố Sầm Sơn	*12*	8	8,18		7,85	7,77	7,25	0,52		4	36,87		36,03	36,02	36,02		
2	***Dự án hoàn thành trong năm báo cáo:***	***1.339***	***1.330***	***4.032,18***	***897,27***	***3.825,20***	***3.762,59***	***3.284,00***	***410,30***	***29,42***	***9***	***27,47***	***17,98***	***26,87***	***26,64***	***25,08***	***1,33***	-
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	*32*	*32*	*801,71*	*426,29*	*754,05*	*752,04*	*660,09*	*64,62*	*18,73*	-	-	-	-	-	-	-	-
1	*Đường giao thông liên thôn bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy, đi bản Ché Lầu, xã Nam Mèo, huyện Quan Sơn*	*1*	*1*	*2,80*	-	*2,75*	*2,75*	*2,75*	-									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	*Đường giao thông từ bản Ché Lầu, đi bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn*	1	1	2,80	-	2,75	2,74	2,74	-									
3	*Lắp dụng, nâng cấp các biển chỉ dẫn đến các điểm tham quan du lịch, mua sắm làng nghề năm 2020*	1	1	0,95	-	0,95	0,95	0,95	-									
4	*Nhà nội A và đơn nguyên khoa Cận lâm sàng BV Y dược cổ truyền Thanh Hóa*	1	1	14,99	-	14,85	14,72	13,27	1,45									
5	*Bồn tồn, tôn tạo Khu lang mộ Triết Vương Trịnh Tùng, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa*	1	1	19,07	-	15,17	14,96	13,11	1,86									
6	*Phục hồi, tôn tạo Đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa*	1	1	12,48	-	11,25	11,21	7,80	3,41									
7	*NC, cải tạo đường Mỹ Tân, Cao Ngọc, Vân Am. Huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa*	1	1	119,98	-	119,50	119,36	99,89	19,47									
8	*Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 1A, đoạn qua Khu kinh tế Nghi Sơn*	1	1	52,86	-	47,93	47,91	43,75	4,16									
9	*cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu Đồng Tiến, xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa*	1	1	12,86	-	12,16	12,11	10,71	1,39									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
10	*Sửa chữa 03 hồ chứa tại huyện Tĩnh Gia bàn giao cho công ty TNHH một thành viên Sông Chu*	*1*	*1*	*6,38*		*5,66*	*5,58*	*5,23*	*0,34*									
11	*Đường giao thông làng Mài, xã Bình Lương, huyện Như Xuân*	*1*	*1*	*31,91*	*31,91*	*31,81*	*31,68*	*28,64*	*3,04*	*3,04*								
12	*Đường GT từ bàn Chiềng, xã Nam Đông, huyện Quan Hóa đi bản Sủa huyện Quan Sơn*	*1*	*1*	*54,90*	*54,90*	*54,23*	*53,88*	*48,04*	*5,85*	*5,85*								
13	*Đường giao thông từ thị trấn Yên Cát đi thôn Đồng Thổ, xã Bình Lương, huyện Như Xuân tỉnh Thanh Hóa.*	*1*	*1*	*24,86*	*24,86*	*24,59*	*24,57*	*15,40*	*9,17*	*9,17*								
14	*Cầu Bê tông cốt thép xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*130,53*	*130,53*	*108,25*	*108,23*	*104,00*	*-*									
15	*Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Thượng Ninh- Cát Tân huyện Như Xuân*	*1*	*1*	*45,80*	*45,80*	*44,37*	*44,24*	*43,57*	*0,67*	*0,67*								
16	*Đường gia thông từ bản Hiềng đi Sa Ná, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn*	*1*	*1*	*50,30*	*50,30*	*48,98*	*48,75*	*36,37*	*-*									
17	*Cải tạo Trung tâm Bảo trợ xã hội (giai đoạn 2)*	*1*	*1*	*20,00*	*20,00*	*18,39*	*18,37*	*16,50*	*1,87*									
18	*Mở rộng Nghĩa trang Liệt sỹ Hàm Rồng (giai đoạn 2)*	*1*	*1*	*24,45*	*-*	*23,89*	*23,86*	*19,22*	*4,64*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
19	*Dự án xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Lò thuộc huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*68,00*	*68,00*	*65,07*	*64,90*	*54,17*	*-*									
20	*Nhà lớp học Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*14,50*	*-*	*14,35*	*14,32*	*13,95*	*0,37*									
21	*SC, cải tạo khu nội trú trường PTDTBT THCS Bát Mọt, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*0,60*	*-*	*0,59*	*0,59*	*0,73*	*(0,15)*									
22	*SC, cải tạo khu nội trú trường PTDTBT THCS Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*0,60*	*-*	*0,59*	*0,59*	*0,59*	*-*									
23	*Cải tạo, SC Nhà hiệu bộ trường THPT chuyên Lam Sơn (Vốn thiếu là vốn vay ODA của NH Phát triển châu Á)*	*1*	*1*	*14,13*	*-*	*14,00*	*13,95*	*13,83*	*0,12*									
24	*Nhà tập đa năng Trường THPT Yên Định II, Huyện Yên Định*	*1*	*1*	*6,81*	*-*	*6,72*	*6,71*	*6,52*	*0,19*									
25	*Tăng cường năng lực công nghệ thông tin và nâng cấp hệ thống Tabmis ngành Tài chính Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020*	*1*	*1*	*10,31*	*-*	*10,01*	*10,01*	*9,00*	*1,01*									
26	*Đầu tư trang thiết bị cho Đài phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa để thực hiện nhiệm vụ chính trị về tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước*	*1*	*1*	*24,97*	*-*	*23,85*	*23,85*	*22,00*	*1,85*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
27	*Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Sơn Hà, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*0,49*	*-*	*0,48*	*0,48*	*0,48*	*-*									
28	*Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa*	*1*	*1*	*0,55*	*-*	*0,54*	*0,54*	*0,54*	*-*									
29	*Sửa chữa, cải tạo, mua sắm trang thiết bị Trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa (Nguồn cải cách HC)*	*1*	*1*	*3,69*	*-*	*3,62*	*3,62*	*3,33*	*0,29*									
30	*Tường rào khu cách ly phòng chống Covid 19*	*1*	*1*	*0,95*	*-*	*0,87*	*0,86*	*0,74*	*0,12*									
31	*Khu TĐC bản Na Chừa, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát*	*1*	*1*	*17,83*	*-*	*15,76*	*15,64*	*15,76*	*(0,12)*									
32	*Đầu tư xây dựng Nhà Đông y và Phục hồi chức năng Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc*	*1*	*1*	*10,40*	*-*	*10,16*	*10,14*	*6,51*	*3,63*									
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	*1.307*	*1.298*	*3.230,47*	*470,97*	*3.071,15*	*3.010,55*	*2.623,92*	*345,69*	*10,69*	*9*	*27,47*	*17,98*	*26,87*	*26,64*	*25,08*	*1,33*	*-*
1	Huyện Bá Thước	125	118	281,56	175,43	281,36	280,22	228,61	24,85	9,35	7	26,47	17,98	25,87	25,64	24,08	1,33	-
2	Huyện Hà Trung	67	67	175,17		163,17	160,83	142,56	15,42									
3	Huyện Hậu Lộc	10	10	27,61		26,58	26,42	18,92	7,49									
4	Huyện Hoằng Hoá	34	34	159,19	-	157,03	156,42	95,37	61,05									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
5	Huyện Mường Lát	15	15	69,71	39,29	66,77	66,77	24,64	15,59									
6	Huyện Nga Sơn	118	118	196,11	19,33	173,70	150,39	160,40	21,83									
7	Huyện Ngọc Lặc	125	125	205,30	90,36	199,91	196,92	175,18	5,30									
8	Huyện Như Thanh	81	81	96,70	36,90	95,30	95,10	81,40	5,80									
9	Huyện Như Xuân	18	18	58,00	-	58,00	57,00	38,00	20,00									
10	Huyện Nông Cống	30	30	76,06		73,68	73,06	60,93	12,14									
11	Huyện Quan Hóa	54	54	134,50	61,20	127,26	127,13	115,45	11,68	1,34								
12	Huyện Quan Sơn	18	16	106,00	5,00	103,00	102,00	76,00	26,00		2	1,00		1,00	1,00	1,00	-	-
14	Huyện Thiệu Hoá	34	34	141,45		138,52	129,35	116,74	19,36									
15	Huyện Thường Xuân	14	14	44,97	35,13	43,77	43,76	40,63	3,13									
16	TX Nghi Sơn	69	69	102,93	5,33	98,62	98,01	75,76	22,24									
17	TP Thanh Hoá	62	62	314,35		288,66	275,32	254,00	21,32									
18	Thị xã Bỉm Sơn	12	12	43,48		36,15	35,82	33,82	2,00									
19	Huyện Thọ Xuân	77	77	86,80		69,40	71,60	58,10	13,50									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
20	Huyện Thạch Thành	35	35	90,87		89,23	88,58	87,25	1,34									
21	Huyện Đông Sơn	47	47	262,00	3,00	241,00	240,00	225,00	15,00									
22	Huyện Triệu Sơn	126	126	289,07		280,23	278,14	278,14										
23	Huyện Vĩnh Lộc	10	10	25,90		25,40	24,80	22,30	2,50									
24	Huyện Yên Định	88	88	111,98		106,87	106,37	88,17	18,14									
25	Thành phố Sầm Sơn	38	38	130,75		127,55	126,55	126,55										
II	**Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (1+2):**	**288**	**280**	**837,64**	**61,95**	**785,33**	**-**	**482,34**	**127,67**	**0,31**	**8**	**16,99**	**-**	**15,80**	**-**	**12,57**	**2,23**	**-**
	Phê duyệt	**49**	**49**	**211,13**	**3,17**	**193,82**	**-**	**49,71**	**17,35**	**0,31**	**0**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Thẩm tra	**239**	**231**	**626,51**	**58,78**	**591,51**	**-**	**432,63**	**110,33**	**-**	**8**	**16,99**	**-**	**15,80**	**-**	**12,57**	**2,23**	**-**
1	***Dự án hoàn thành các năm trước:***	***111***	***103***	***333,85***	***34,49***	***323,93***	***-***	***206,61***	***44,11***	***0,31***	***8***	***16,99***	***-***	***15,80***	***-***	***12,57***	***2,23***	***-***
	Phê duyệt	**16**	**16**	**100,35**	**3,17**	**98,30**	**-**	**21,56**	**4,60**	**0,31**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*																	

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
-	Dự án cấp huyện, xã quản lý:	16	16,00	100,35	3,17	98,30	-	21,56	4,60	0,31	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Huyện Hoằng Hoá	5	5	15,59		14,81		11,31	3,30									
2	Huyện Nga Sơn	4	4	5,28	3,17	4,97	-	4,45	0,50	0,31								
3	Huyện Thọ Xuân	2	2	7,10		6,70		5,80	0,80									
4	Thành phố Sầm Sơn	5	5	72,38		71,82		-										
	Thẩm tra	**95**	87	233,50	31,32	225,63	-	185,05	39,51	-	8	16,99	-	15,80	-	12,57	2,23	-
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	95	87	233,50	31,32	225,63	-	185,05	39,51	-	8	16,99	-	15,80	-	12,57	2,23	-
1	Huyện Hậu Lộc	1	1,00	1,48	-	1,42		1,00	0,42									
2	Huyện Lang Chánh	7	7	6,82	3,96	6,75		6,23	0,48									
3	Huyện Mường Lát	10	10	42,21	7,52	39,92		36,12	3,80									
4	Huyện Nga Sơn	2	2	2,00		1,97		0,84										
5	Huyện Như Thanh	3	3	2,40	-	2,40	-	1,70	0,80									
6	Huyện Quan Sơn	7	1	1,00	-	1,00	-	1,00			6	13,00		13,00		10,00	2,00	

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
7	Huyện Thường Xuân	10	10	27,35	13,10	25,71		23,44	2,28									
8	TX Nghi Sơn	6	6	31,64	3,50	30,22		24,69	5,53									
9	TP Thanh Hoá	1	1	2,50		2,50		1,80	0,70									
10	Huyện Thọ Xuân	21	21	58,20		56,80		45,00	11,80									
11	Huyện Thạch Thành	17	17	36,34	1,04	36,34		27,11	9,22									
12	Huyện Yên Định	10	8	21,56	2,20	20,60		16,12	4,48		2	3,99		2,80		2,57	0,23	
2	***Dự án hoàn thành trong năm báo cáo:***	***177***	***177***	***503,79***	***27,46***	***461,40***	**-**	***275,73***	***83,56***	**-**	***0***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Phê duyệt	**33**	**33**	**110,78**	**-**	**95,52**	**-**	**28,15**	**12,75**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Dự án cấp huyện, xã quản lý:	33	33	110,78	-	95,52	-	28,15	12,75	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Huyện Hoằng Hoá	4	*4*	*13,55*		*12,69*		*6,98*	*5,54*									
2	Huyện Nga Sơn	6	6	15,26		14,55		9,60	4,64	-								
3	Huyện Thọ Xuân	6	*6*	*16,70*		*6,50*	-	*4,30*	*2,20*									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Huyện Yên Định	2	*2*	*7,83*		*7,64*		*7,27*	*0,37*									
5	Thành phố Sầm Sơn	15	*15*	*57,44*		*54,14*												
	Thẩm tra	**144**	**144**	**393,01**	**27,46**	**365,88**	**-**	**247,58**	**70,82**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	3	3	69,54	-	67,11	-	23,73	6,35	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	*141*	*141*	*323,47*	*27,46*	*298,77*	-	*223,85*	*64,47*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Huyện Bá Thước	6	6	2,13		2,13												
2	Huyện Hoằng Hoá	7	7	26,60		25,47		15,09	10,11									
4	Huyện Mường Lát	1	1	2,10		1,80		1,80										
5	Huyện Ngọc Lặc	10	10	27,89	4,69	27,11		25,62	0,68									
5	Huyện Như Thanh	16	16	13,60		13,40		7,70	5,70									
6	Huyện Quan Sơn	5	5	8,00		7,00		6,00	2,00									
7	Huyện Thường Xuân	12	12	57,78	16,57	40,13		44,50	2,08									
8	TX Nghi Sơn	30	30	59,29	2,70	57,30		41,80	15,50									
9	TP Thanh Hoá	2	2	4,30		4,30		1,35	2,95									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
10	Thị xã Bỉm Sơn	2	2	2,64		2,52		2,11	0,42									
11	Huyện Thọ Xuân	12	12	20,00		20,00		6,70	13,30									
12	Huyện Thạch Thành	1	1	0,23		0,23			0,23									
14	Huyện Triệu Sơn	22	22	56,70	3,50	55,70		39,00	2,00									
15	Huyện Vĩnh Lộc	5	5	25,60		25,20		22,70	2,50									
16	Huyện Yên Định	10	10	16,61		16,48		9,49	6,99									
III	**Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (1+2):**	**871**	**832**	**4.351,86**	**566,33**	**3.429,96**	**-**	**3.037,35**	**682,95**	**10,00**	**39**	**5.329,71**	**3.646,69**	**5.259,49**	**-**	**5.235,60**	**21,79**	**-**
1	***Dự án hoàn thành các năm trước:***	***146***	***120***	***379,00***	***23,22***	***272,81***	***-***	***254,93***	***120,36***	***-***	***26***	***5.025,45***	***3.643,19***	***4.974,79***	***-***	***4.961,58***	***12,10***	***-***
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	3	1	26,20	-	26,00	-	12,00	14,00	-	2	4.991,15	3.635,64	4.942,22	-	4.938,29	4,02	-
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	*143*	*119*	*352,80*	*23,22*	*246,81*	*-*	*242,93*	*106,36*	*-*	*24*	*34,30*	*7,55*	*32,57*	*-*	*23,29*	*8,08*	*-*
1	Huyện Bá Thước	4	2	2,43		2,40		1,93			2	2,43		2,40		1,93		
2	Huyện Hoằng Hoá	25	25	90,15		88,83		63,27	25,56									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3	Huyện Lang Chánh	9	9	11,94	7,72	12,32		11,77	0,54									
4	Huyện Nga Sơn	16									16	28,08	7,55	26,68		19,10	6,85	-
5	Huyện Như Thanh	10	10	14,20	4,00	13,10		5,30	8,90									
6	Huyện Quan Hóa	3	3	14,77	4,06	14,30		11,39	2,91									
7	Huyện Thường Xuân	3	3	1,19				0,76										
8	Huyện Thọ Xuân	26	26	114,20		13,10		62,40	51,80									
9	Huyện Thạch Thành	39	39	84,41	7,43	84,41		71,01	13,37									
10	Huyện Yên Định	8	2	19,51		18,36		15,10	3,27		6	3,79		3,49		2,26	1,23	
2	***Dự án hoàn thành trong năm báo cáo:***	***725***	***712***	**3.972,86**	**543,11**	**3.157,15**	**-**	**2.782,42**	**562,59**	**10,00**	**13**	**304,26**	**3,50**	**284,70**	**-**	**274,02**	**9,70**	**-**
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	*17*	*15*	*2.245,83*	*404,30*	*1.796,63*	*-*	*1.589,61*	*210,67*	*9,00*	*2*	*263,56*	*-*	*245,54*	*-*	*243,96*	*0,58*	*-*
-	*Dự án cấp huyện, xã quản lý:*	*708*	*697*	*1.727,03*	*138,81*	*1.360,51*	*-*	*1.192,81*	*351,92*	*1,00*	*11*	*40,70*	*3,50*	*39,16*	*-*	*30,06*	*9,11*	*-*
1	Huyện Bá Thước	2	2	16,89	16,89	16,86		11,30										
2	Huyện Hà Trung	54	54	92,02	2,20	88,60		65,33	23,28									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3	Huyện Hoằng Hoá	6	6	46,88		46,23		35,63	10,60									
4	Huyện Lang Chánh	3	3	7,98		7,97		5,85	2,12									
5	Huyện Mường Lát	25	25	92,69	60,57	71,37		86,13	3,07									
6	Huyện Nga Sơn	54	48	77,86	4,01	77,29		56,87	19,80		6	26,32	3,50	24,78		18,89	5,90	
7	Huyện Ngọc Lặc	3	3	22,47		22,47		15,88	0,89									
8	Huyện Như Thanh	55	55	49,70	4,40	45,50		22,80	26,90									
11	Huyện Quan Hóa	2	2	6,79	6,79	6,79		6,79										
12	Huyện Quan Sơn	1	1	5,00	5,00	5,00		4,00	1,00	1,00								
15	Huyện Thường Xuân	4	4	12,33	7,81		-	7,40										
16	TX Nghi Sơn	105	105	223,01	9,90	201,03	-	139,25	60,71									
17	TP Thanh Hoá	22	22	321,60	-	304,90		267,75	37,14									
18	Thị xã Bỉm Sơn	6	6	5,30		5,19		4,08	1,11									
19	Huyện Thọ Xuân	66	66	127,70	-	54,60		75,10	47,00									
20	Huyện Thạch Thành	26	26	43,79	0,25	34,01		26,89	16,90									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
21	Huyện Đông Sơn	111	111	271,00	3,00	266,00		205,00	61,00									
22	Huyện Triệu Sơn	117	117	242,00	18,00	45,53		117,00	19,00									
23	Huyện Vĩnh Lộc	18	18	21,40		21,00		17,50	3,50									
24	Huyện Yên Định	28	23	40,62		40,17		22,26	17,91		5	14,38		14,38		11,17	3,21	
B	**Dự án hoàn thành ở địa phương theo phân cấp quản lý (1+2+3)**	**3.682**	**3.579**	**26.502,14**	**7.447,93**	**23.121,24**	**14.400,22**	**20.085,49**	**1.589,93**	**48,73**	**103**	**1.749,10**	**66,03**	**1.673,38**	**175,15**	**1.634,20**	**33,90**	**-**
-	*Dự án cấp tỉnh quản lý:*	*135*	*132*	*17.910,70*	*6.599,98*	*15.340,81*	*9.009,86*	*13.501,68*	*357,59*	*30,52*	*3*	*1.474,70*	*-*	*1.408,84*	*-*	*1.405,86*	*1,98*	*-*
-	*Dự án cấp huyện quản lý:*	*1.604*	*1.552*	*5.355,48*	*532,14*	*4.980,99*	*3.643,64*	*4.275,85*	*551,40*	*17,62*	*52*	*173,77*	*54,98*	*169,30*	*152,66*	*152,03*	*14,33*	*-*
-	*Dự án cấp xã quản lý:*	*1.943*	*1.895*	*3.235,95*	*315,81*	*2.799,43*	*1.746,71*	*2.307,96*	*680,94*	*0,59*	*48*	*100,63*	*11,05*	*95,24*	*22,49*	*76,31*	*17,59*	*-*
1	**Dự án do cấp tỉnh quản lý**	**135**	**132**	**17.910,70**	**6.599,98**	**15.340,81**	**9.009,86**	**13.501,68**	**357,59**	**30,52**	**3**	**1.474,70**	**-**	**1.408,84**	**-**	**1.405,86**	**1,98**	**-**
a	*Phê duyệt*	*112*	*112*	*11.789,09*	*2.560,04*	*9.672,11*	*9.009,86*	*8.099,95*	*123,95*	*21,52*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
b	*Thẩm tra*	3	3	69,54	-	67,11	-	23,73	6,35	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chưa nộp hồ sơ quyết toán:*	*20*	*17*	*6.052,08*	*4.039,93*	*5.601,60*	*-*	*5.378,00*	*227,29*	*9,00*	*3*	*1.474,70*	*-*	*1.408,84*	*-*	*1.405,86*	*1,98*	*-*

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2	**Dự án do cấp huyện quản lý**	**1.604**	**1552**	**5.355,48**	**532,14**	**4.980,99**	**3.643,64**	**4.275,85**	**551,40**	**17,62**	**52**	**173,77**	**54,98**	**169,30**	**152,66**	**152,03**	**14,33**	**-**
a	*Phê duyệt:*	*1.260*	*1.216*	*3.990,85*	*435,90*	*3.852,34*	*3.643,64*	*3.296,20*	*321,48*	*16,62*	*44*	*158,34*	*54,98*	*153,90*	*152,66*	*140,10*	*12,33*	*-*
b	*Thẩm tra:*	*104*	*98*	*301,67*	*21,77*	*275,51*	*-*	*223,26*	*41,87*	*-*	*6*	*13,00*	*-*	*13,00*	*-*	*10,00*	*2,00*	*-*
1	Huyện Bá Thước	6	6	2,13		2,13												
2	Huyện Hậu Lộc	1	1	1,48		1,42		1,00	0,42									
3	Huyện Hoằng Hoá	4	4	13,55		12,69		6,98	5,54									
4	Huyện Lang Chánh	7	7	6,82	3,96	6,75		6,23	0,48									
5	Huyện Mường Lát	11	11	44,31	7,52	41,72		37,92	3,80									
6	Huyện Ngọc Lặc	10	10	27,89	4,69	27,11		25,62	0,69									
7	Huyện Như Thanh	2	2	1,40		1,30		1,00	0,30									
8	Huyện Quan Sơn	12	6	9,00		8,00		7,00	2,00		6	13,00	-	13,00	-	10,00	2,00	
9	Huyện Thường Xuân	16	16	55,46		38,05		40,28	4,22									
10	TX Nghi Sơn	15	15	46,00	5,60	44,30		33,80	10,50									
11	TP Thanh Hoá	3	3	6,80		6,80		3,15	3,65									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
12	Huyện Thọ Xuân	6	6	38,70		37,70		30,30	7,40									
13	Huyện Triệu Sơn	4	4	14,70		14,70												
14	Huyện Vĩnh Lộc	5	5	25,60		25,20		22,70	2,50									
15	Huyện Yên Định	2	2	7,83		7,64		7,27	0,37									
c	*Chưa nộp hồ sơ quyết toán:*	*240*	*238*	*1.062,96*	*74,47*	*853,15*	*-*	*756,40*	*188,05*	*1,00*	*2*	*2,43*	*-*	*2,40*	*-*	*1,93*	*-*	*-*
1	Huyện Bá Thước	6	4	19,32	16,89	19,26		13,23			2	2,43		2,40		1,93		
2	Huyện Lang Chánh	12	12	19,92	7,72	20,29		17,62	2,66									
3	Huyện Mường Lát	5	5	30,20	29,20	25,70	-	3,00										
4	Huyện Ngọc Lặc	3	3	22,47		22,47		15,88	0,89									
5	Huyện Như Thanh	7	7	14,10		14,10		12,70	1,40									
6	Huyện Quan Hóa	1	1	4,87	4,06	4,40		3,93	0,47									
7	Huyện Quan Sơn	1	1	5,00	5,00	5,00		4,00	1,00	1,00								
8	Huyện Thường Xuân	6	6	5,71				2,56										
9	TX Nghi Sơn	27	27	121,60	8,60	113,00		90,30	22,70									

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
10	TP Thanh Hoá	13	13	309,68		292,98		258,29	34,69									
11	Huyện Thọ Xuân	20	20	168,70				110,30	58,40									
12	Huyện Đông Sơn	111	111	271,00	3,00	266,00		205,00	61,00									
13	Huyện Triệu Sơn	7	7	45,53		45,53												
14	Huyện Vĩnh Lộc	18	18	21,40		21,00		17,50	3,50									
15	Huyện Yên Định	3	3	3,46		3,42		2,09	1,34									
3	**Dự án do cấp xã quản lý**	**1.943**	**1895**	**3.235,95**	**315,81**	**2.799,43**	**1.746,71**	**2.307,96**	**680,94**	**0,59**	**48**	**100,63**	**11,05**	**95,24**	**22,49**	**76,31**	**17,59**	**-**
a	*Phê duyệt:*	1.200	1.187	1.963,79	191,26	1.796,35	1.746,71	1.442,98	348,61	0,59	13	24,07	-	23,11	22,49	22,32	0,17	-
1	Huyện Bá Thước	2	2,00	1,90	18,79	1,88	1,88	1,47	0,41	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Huyện Hà Trung	65	65,00	164,19	-	152,31	149,99	135,96	13,48	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Huyện Hậu Lộc	5	5,00	15,66	-	15,03	14,88	11,95	2,94	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Huyện Hoằng Hoá	81	81,00	287,04	-	277,60	246,53	107,84	162,95	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Huyện Mường Lát	15	15,00	53,23	53,23	40,68	52,51	15,12	11,27	0,28	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Huyện Nga Sơn	242	242,00	314,11	9,27	265,52	267,65	250,54	44,04	0,31	-	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
7	Huyện Ngọc Lặc	4	4,00	2,98	-	2,99	2,99	2,75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Huyện Như Thanh	55	55,00	21,80	-	21,60	21,60	18,10	3,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Huyện Nông Cống	12	12,00	37,41	-	36,65	36,30	27,04	9,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Huyện Quan Hóa	26	26,00	96,98	65,53	94,10	93,99	89,71	4,27	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Huyện Thiệu Hoá	20	20,00	55,47	-	52,56	51,87	45,59	6,28	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Huyện Thường Xuân	70	70,00	105,59	43,81	101,29	100,84	86,29	14,55	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	TX Nghi Sơn	86	86,00	97,54	0,63	92,59	92,20	77,25	14,94	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	TP Thanh Hoá	9	9,00	12,10	-	12,18	12,34	7,05	5,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Thị xã Bỉm Sơn	18	18,00	15,35	-	14,46	14,09	10,75	3,34	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Huyện Thọ Xuân	156	156,00	201,90	-	175,00	158,80	148,90	23,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Huyện Thạch Thành	0	-	26,23	-	-	(0,00)	(0,00)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Huyện Triệu Sơn	203	193,00	275,30	-	267,00	264,20	264,20	-	-	10,00	21,20	-	20,60	20,00	20,00	-	-
20	Huyện Yên Định	131	128,00	179,01	-	172,91	164,06	142,47	29,07	-	3,00	2,87	-	2,51	2,49	2,32	0,17	-
b	*Thẩm tra:*	*132*	*130*	*255,29*	*37,00*	*248,90*	-	*185,65*	*62,11*	-	*2*	*3,99*	-	*2,80*	-	*2,57*	*0,23*	-

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Huyện Hoằng Hoá	3	3,00	13,05	-	12,79	-	8,11	4,57	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Huyện Nga Sơn	2	2,00	2,00	-	1,97	-	0,84	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Huyện Như Thanh	17	17,00	14,60	-	14,50	-	8,40	6,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Huyện Thường Xuân	6	6,00	29,67	29,67	27,79	-	27,65	0,14	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	TX Nghi Sơn	21	21,00	44,93	0,60	43,22	-	32,69	10,53	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Thị xã Bỉm Sơn	2	2,00	2,64	-	2,52	-	2,11	0,42	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Huyện Thọ Xuân	27	27,00	39,50	-	39,10	-	21,40	17,70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Huyện Thạch Thành	18	18,00	36,57	1,04	36,57	-	27,11	9,46	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Huyện Triệu Sơn	18	18,00	42,00	3,50	41,00	-	39,00	2,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Huyện Yên Định	18	16,00	30,34	2,20	29,44	-	18,34	11,10	-	2,00	3,99	-	2,80	-	2,57	0,23	-
c	*Chưa nộp hồ sơ quyết toán:*	*611*	*578*	*1.016,87*	*87,56*	*754,18*	-	*679,34*	*270,23*	-	*33*	*73*	*11*	*69*	-	*51*	*17*	-
1	Huyện Hà Trung	54	54,00	92,02	2,20	88,60	-	65,33	23,28	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Huyện Hoằng Hoá	31	31,00	137,03	-	135,06	-	98,90	36,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Huyện Mường Lát	20	20,00	62,49	31,37	45,67	-	83,13	3,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh cuối cùng của dự án		Giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán hoặc giá trị KL hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đâu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: NSTW
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Huyện Nga Sơn	70	48,00	77,86	4,01	77,29	-	56,87	19,80	-	22	54,40	11,05	51,46	-	37,99	12,75	-
5	Huyện Như Thanh	58	58,00	49,80	8,40	44,50	-	15,40	34,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Huyện Quan Hóa	4	4,00	16,69	6,79	16,69	-	14,25	2,44	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Huyện Thường Xuân	1	1,00	7,81	7,81	-	-	5,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	TX Nghi Sơn	78	78,00	101,41	1,30	88,03	-	48,95	38,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	TP Thanh Hoá	9	9,00	11,92	-	11,92	-	9,46	2,45	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Thị xã Bỉm Sơn	6	6,00	5,30	-	5,19	-	4,08	1,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Huyện Thọ Xuân	72	72,00	73,20	-	67,70	-	27,20	40,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Huyện Thạch Thành	65	65,00	128,20	7,68	118,42	-	97,90	30,27	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Huyện Triệu Sơn	110	110,00	196,47	18,00	-	-	117,00	19,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Huyện Yên Định	33	22,00	56,67	-	55,11	-	35,27	19,84	-	11,00	18,17	-	17,87	-	13,43	4,44	-